

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thương G, nơi cư trú: Số 3/19/276 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thành H, nơi cư trú: H Str.12 80636 M, Cộng hòa Liên bang Đức.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn chị Bùi Thị Thương G, đơn ly hôn của bị đơn anh Trần Thành H (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) thống nhất trình bày:

Chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND thành phố Hải Phòng từ ngày 27 tháng 11 năm 2015. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H phải trở về Đức sinh sống, còn chị G ở lại Việt Nam để chờ anh

H làm thủ tục bảo lãnh cho chị G sang Đức vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh H không đủ điều kiện bảo lãnh cho chị G sang Đức nên cũng từ đó vợ chồng ít liên lạc, việc quan tâm đến đời sống của nhau cũng hạn chế. Anh chị cũng đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn để vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay, anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho anh chị được ly hôn với nhau càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không có sự thay đổi nội dung nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Trần Thành H hiện nay đang sinh sống tại nước ngoài (Cộng hòa Liên bang Đức), nguyên đơn chị Bùi Thị Thương G hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 27/11/2015 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không đủ điều kiện để bảo lãnh cho chị G sang Cộng hòa Liên bang Đức để vợ chồng đoàn tụ. Chính vì sự xa cách về địa lý nên việc liên lạc, quan tâm đến đời sống của nhau bị hạn chế. Anh chị đã sống ly thân và không có đời sống chung

của vợ chồng trong một thời gian dài. Chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H đều thống nhất thỏa thuận ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thương G là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thương G:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thương G được ly hôn anh Trần Thành H.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thương G và anh Trần Thành H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thương G phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000408 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị Thương G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị Thương G (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Trần Thành H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phích